TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023
"V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng;

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa**:** ông Trần Văn S – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 20/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2023/QĐST-DS ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1); Trụ sở: tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S - A P, p. B, quận A, tp ..

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Võ Văn T, sinh năm: 1984; *(Vắng mặt)*

+ Ông Phạm Tiến N, sinh năm: 1982; *(Có mặt)*

+ Ông Bùi Đăng D; *(Vắng mặt)*

+ Ông Lê Thọ Đ; *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: tầng F, tòa nhà P, số B, U, phường B, q. B, tp ..

2. Bị đơn: ông Phan Quốc H, sinh năm: 1994 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1991; Cùng trú: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022, bản tự khai, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V1) do ông Phạm Tiến Nghĩa l đại diện theo ủy quyền trình bày: ngày 24/6/2020, V1 và ông Phan Quốc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 ký

hợp đồng tín dụng số 5817506.20, nội dung là VIB sẽ cho ông H, bà H1 vay số tiền 365.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mức lãi suất sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,5%/năm. Trả gốc hàng tháng vào ngày 05, mỗi kỳ trả là 7.605.000 đồng; ngày trả lãi hàng tháng vào ngày 05; kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiền vào ngày 05/7/2020. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Kia Cerato, biển kiểm soát 60A-397.57, số khung: RNYYE42A6GC080854, số máy: G4NAGH539540.

Ngoài ra, theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 06/7/2021, V1 đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Phan Quốc H và Nguyễn Thị Ngọc H1 với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, loại thẻ V1, mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay theo quy định trong từng thời kỳ của V1.

Quá trình vay ông H, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi kể từ ngày 16/5/2022, mặc dù V1 đã đôn đốc và tạo điều kiện để khách hàng trả nợ nhưng ông H, bà H1 vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 29/9/2023, đối với khoản vay trong hợp đồng tín dụng số 5817506.20 ông H, bà H1 đã thanh toán cho V1 số tiền 207.416.692 đồng (trong đó, gốc là 155.680.000 đồng, lãi là 51.736.692 đồng). Số tiền nợ tổng là: 282.025.883 đồng, trong đó nợ gốc chưa thanh toán là 209.320.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.415.247 đồng, nợ lãi quá hạn là 65.290.636 đồng.

Đối với nợ thẻ tín dụng V1, tổng nợ thẻ cả gốc và lãi phát sinh đến ngày 27/6/2023 là 57.980.197 đồng, trong đó: nợ gốc chưa thanh toán là 31.634.999 đồng; nợ lãi chưa thanh toán là 7.035.090 đồng; tổng các phát sinh phí chưa thanh toán là 19.310.000 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả số tiền nợ trên và tiếp tục thanh toán lãi suất theo hợp đồng tín dụng và còn đối với nợ thẻ Ngân hàng đã ngưng không tính lãi từ ngày 27/6/2023 và không yêu cầu tính lãi trong quá trình thi hành án.

Đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô Kia Cerato, biển kiểm soát 60A-397.57, số khung: RNYYE42A6GC080854, số máy: G4NAGH539540, do Ngân hàng chưa biết chiếc xe ở đâu, ai quản lý, tình trạng xe nên không đề nghị đưa vào giải quyết trong vụ án này.

* Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: việc thu thập tài liệu, chứng cứ vụ án là đầy đủ nhưng Tòa án còn vi phạm về thời hạn xử lý đơn theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư ký tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ đến nay là 340.006.080 đồng và lãi suất phát sinh. Ông

H, bà H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS quan hệ tranh chấp xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Phan Quốc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông H2 không có mặt. Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Vì vậy, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: xét thấy, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các chứng cứ là hợp đồng tín dụng số 5817506.20 ngày 24/6/2020 được ký giữa V1 và ông Phan Quốc H, bà Nguyễn Thị Ngọc H1; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/6/2020 do ông H, bà H1 ký; đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 06/7/2021 do ông Phan Quốc H ký; báo cáo liệt kê giao dịch thẻ tín dụng; CMND của ông H, bà H1 (photo); sổ hộ khẩu của ông H, bà H1 (photo); giấy chứng nhận kết hôn của ông H, bà H1 (photo).

Và theo công văn số 208/CV-TA ngày 14/7/2023 của TAND huyện Cẩm Mỹ về xác minh nơi cư trú của ông H, bà H1 do Công an xã T cung cấp thì hiện ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có đăng ký thường trú và nơi cư trú tại ấp D, xã T, huyện C. Và Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng về thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử… nhưng ông H, bà H1 vẫn không đến Tòa án làm việc. Thể hiện việc ông H, bà H1 cố tình trốn tránh, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc bản thân đã trả tiền cho ngân hàng đến thời điểm hiện nay.

Với những nhận định trên và căn cứ vào các chứng cứ mà V1 cung cấp thể hiện ông H và bà H1 có ký hợp đồng tín dụng số 5817506.20 ngày 24/6/2020 vay VIB số tiền 365.000.000 đồng và ông H có ký đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 06/7/2021 với số tiền nợ gốc phát sinh là 57.980.197 đồng là sự thật.

Nên việc Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H1 trả số tiền nợ trong hợp đồng tín dụng số 5817506.20 ngày 24/6/2020 đến nay, tổng là: 282.025.883 đồng, trong đó nợ gốc chưa thanh toán là 209.320.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.415.247 đồng, nợ lãi quá hạn là 65.290.636 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc ông H, bà H1 trả số tiền là 57.980.197 đồng theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 06/7/2021, trong đó nợ gốc là 31.634.999 đồng, nợ lãi 7.035.090 đồng và tổng các phát sinh phí là 19.310.108 đồng. HĐXX nhận thấy: theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 06/7/2021 chỉ có ông Phan Quốc H ký, không có chữ ký của bà H1 nên không thể xác định đây là nợ chung của ông H, bà H1; V1 cũng không cung cấp được chứng cứ việc ông H sử dụng số tiền trên cho mục đích sử dụng chung của vợ chồng, nên HĐXX nhận định đây là nợ riêng của ông H nên chỉ buộc ông H trả số tiền nợ trên cho

Ngân hàng là phù hợp.

Kể từ ngày 30/9/2023, ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 còn phải trả lãi suất theo mức thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 5817506.20 ngày 24/6/2020 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/6/2020 đối với số tiền chưa thanh toán.

Đối với số tiền nợ thẻ là 57.980.197 đồng do Ngân hàng không yêu cầu tính lãi suất trong quá trình thi hành án nên không xem xét.

[4] Về án phí:

- Tổng số tiền buộc ông H, bà H1 phải trả cho Ngân hàng là 282.025.883 đồng nên án phí là (282.025.883 đồng x 5%) 14.101.000 đồng.

- Số tiền buộc ông H trả cho Ngân hàng 57.980.197 đồng nên án phí là (57.980.197 đồng x 5%) 2.899.000 đồng.

- Hoàn trả cho V1 số tiền tạm ứng án phí 7.490.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001801 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[5] Về quan điểm của VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quy định pháp luật và quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q (V1)

- Buộc ông ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền nợ gốc là 209.320.000 (Hai trăm lẻ chín triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng, nợ lãi là 72.705.883 (Bảy mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn tám trăm tám ba) đồng.

Kể từ ngày 30/9/2023, ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 còn phải trả lãi suất theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 5817506.20 ngày 24/6/2020 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/6/2020 cho đến khi thanh toán xong.

- Buộc ông Phan Quốc H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền 57.980.197 (Năm mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn một trăm chín bảy) đồng.

Không tính lãi suất đối với số tiền trên trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải nộp số 14.101.000 (Mười bốn triệu một trăm lẻ một nghìn) đồng án phí DSST.

- Buộc ông Phan Quốc H nộp số tiền 2.899.000 (Hai triệu tám trăm chín mươi chín nghìn) đồng án phí DSST.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền tạm ứng án phí 7.490.000 (Bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0001801 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy